

## XÂY DỰNG NGŪ LIỆU ĐA PHƯƠNG THỨC RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 4

Nguyễn Thị Xuân Yên<sup>+</sup>,  
Trần Thị Thanh Tuyền

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  
+ Tác giả liên hệ • Email: yenntx@hcmue.edu.vn

### Article history

Received: 11/10/2022

Accepted: 07/11/2022

Published: 05/01/2023

### Keywords

Multimodal corpus,  
information text, reading  
skills, grade 4

### ABSTRACT

Starting with the study of theoretical and practical issues as well the development of multimodal corpuses to train reading comprehension skills with informational texts for fourth graders, this study has developed a multimodal corpus system based on the proposed designing principles, together with a procedure to exploit corpuses and a corpus Instruction manual for teachers and students. The result of the research shows that 8 multimodal corpuses have been developed to support teaching reading comprehension with informational texts in response to the requirements of the 2018 General Education Curriculum in Literature, preparing for the beginning of the school year 2023-2024. This result contributes to improving information text reading skills of fourth graders in particular and the quality of teaching Vietnamese in general, promoting digital transformation in the Education and Training sector, and meeting the goals of the 2018 General Education Curriculum.

### 1. Mở đầu

Ở tiểu học, Tiếng Việt (TV) là môn học trung tâm vì môn học này vừa có tính đối tượng vừa có tính công cụ. Mục tiêu cơ bản, quan trọng của môn học là phát triển năng lực giao tiếp bằng TV cho HS. Để đạt được mục tiêu này, HS cần được rèn các kĩ năng (KN) đọc, viết, nói và nghe thông qua các ngữ liệu - “tư liệu ngôn ngữ được dùng làm căn cứ để nghiên cứu ngôn ngữ” (Nguyễn Như Ý và cộng sự, 2005) phong phú, đa dạng, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chí chọn lựa và xây dựng ngữ liệu của chương trình. Với chức năng giao tiếp là cung cấp thông tin về các vấn đề đời sống - xã hội, khoa học hoặc dùng trong mục đích thông báo, hướng dẫn,... bằng kết cấu đặc thù, đa dạng nhằm đáp ứng được nhiều mục đích truyền đạt, văn bản thông tin (VBTT) là một trong những loại ngữ liệu được chú trọng trong Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018b).

Năng lực đọc hiểu của HS sẽ phát triển mạnh mẽ khi các em được rèn luyện KN đọc hiểu thông qua ngữ liệu VBTT trong thực tiễn bùng nổ thông tin hiện nay. “*Kĩ nguyên công nghệ thông tin và truyền thông, sự phát triển của khoa học kĩ thuật đã tạo cho con người một bước tiến mới với những nhu cầu mới, điều kiện mới trong giao tiếp, chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực tạo ra những điều kiện dạy học rộng mở, gắn bó chặt chẽ với thực tiễn, tất cả đòi hỏi mỗi HS cần rèn luyện KN đọc hiểu VBTT hiệu quả nhất*” (Trịnh Thị Lan, 2017, tr 29). Mặc dù có những lợi thế như vậy nhưng do VBTT không chứa các yếu tố tưởng tượng và các yếu tố nghệ thuật như văn bản văn chương nên khi rèn KN đọc hiểu thông qua ngữ liệu này, HS thường ít hứng thú. Muốn rèn luyện các KN cụ thể cho HS, GV cần nắm bắt, hiểu thấu đáo các tình huống nảy sinh hành vi tâm lí của HS (Persons, 2008). Vì vậy, cần đa dạng hóa cách thức thể hiện ngữ liệu VBTT để mang lại cảm xúc và hứng thú cho HS. Một trong những cách thức đó là thiết kế VBTT bằng một ngữ liệu đa phương thức (NLĐPT).

Với sự phát triển của khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện nay, trong dạy học ngôn ngữ nói chung, dạy học TV nói riêng, NLĐPT đã được thay thế cho ngữ liệu “truyền thống”. Với các đặc điểm là tính hấp dẫn, tính tổng thể và tính thực tiễn cao nên khi VBTT được thiết kế thành các NLĐPT không chỉ cập nhật được nhiều vấn đề đời sống, mang tính thời sự về mặt nội dung mà còn phong phú, đa dạng về hình thức thể hiện. Những đặc điểm đó giúp HS tiếp nhận văn bản bằng nhiều giác quan, tạo điều kiện để các em đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung ở mức liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với nhiều kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau, góp phần phát triển tư duy và đa năng lực giao tiếp vì “*năng lực giao tiếp không chỉ là năng lực sử dụng ngôn ngữ mà còn có thể được bổ sung, kết hợp hoặc thậm chí thay thế bằng âm thanh, hình ảnh, cử chỉ, điệu bộ...*” (Nguyễn Thị Xuân Yên, 2018, tr 1). Sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS khẳng định vai trò của NLĐPT trong việc nâng cao hứng thú của HS như nhận xét của Serafini (2012): Vào thế kỉ XXI, người không có khả năng giải quyết các VBĐPT được coi là người không hiểu biết. Vai trò của VBĐPT cũng được khẳng định với sự phát triển của giáo dục: Sự phát triển của môn giáo dục

nói chung và môn Ngữ văn nói riêng đòi hỏi HS phải vận dụng nhiều giác quan để tiếp nhận, thường thức một VBĐPT. Nếu trước đây người đọc chỉ sử dụng thị giác để nhìn, đọc thì hiện nay, HS phải vận dụng thị giác để quan sát kỹ, kết hợp thính giác để nghe, đồng thời phải sử dụng tất cả các giác quan khác để cảm nhận, nói kết nhiều kiến thức khác của nhiều lĩnh vực (Trần Thị Ngọc, 2016).

Đối với HS lớp 4, việc đọc NLĐPT phù hợp với tư duy, ngôn ngữ và tâm, sinh lí. Về tư duy, HS lớp 4 phát triển từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng hóa, khả năng phân tích - tổng hợp, liên tưởng, so sánh cũng có những bước tiến đáng kể. NLĐPT là sự phối hợp của hai hay nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, việc đọc hiểu bằng NLĐPT sẽ tác động tích cực đến tư duy và trí tưởng tượng của HS. Từ đó, các em sẽ được rèn KN đọc hiểu tốt và ngày càng hoàn thiện hơn. Từ việc nghiên cứu những vấn đề lí luận liên quan đến NLĐPT, tìm hiểu thực trạng của việc rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4 hiện nay, nghiên cứu “NLĐPT với việc rèn luyện KN đọc hiểu cho HS lớp 4” nhằm xây dựng hệ thống NLĐPT và đề xuất quy trình sử dụng cùng Tài liệu hướng dẫn sử dụng NLĐPT, hỗ trợ trong việc rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp cho HS, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành GD-ĐT, đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của người học được quy định trong CTGDPT 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018a).

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4

NLĐPT trình bày thông tin trên một loạt các phương thức gồm hình ảnh trực quan, các yếu tố thiết kế, ngôn ngữ viết và các phương thức kí hiệu học khác (Serafini, 2012). NLĐPT là sự phối hợp của hai hay nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, bao gồm ngôn ngữ và phương thức khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,... nhằm phát triển đa năng lực giao tiếp cho HS. VBTT là loại văn bản dùng để cung cấp thông tin về các vấn đề đời sống - xã hội, khoa học hoặc dùng trong mục đích thông báo, hướng dẫn,... Văn bản này không chứa các yếu tố tưởng tượng và sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ, kết cấu đặc thù đa dạng nhằm đáp ứng được mục đích truyền đạt. CTGDPT môn Ngữ văn 2018 có đưa ra một số yêu cầu về ngữ liệu VBTT dành cho HS lớp 4 gồm: Văn bản chỉ dẫn đơn giản; Văn bản giới thiệu một quy trình; Thư và đơn; Giấy mời; Báo cáo công việc.

Việc xây dựng hệ thống NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4 là việc làm thiết yếu, đáp ứng tính “mở” của CT Ngữ văn 2018 về ngữ liệu dạy học. VBTT đa phương thức có một số đặc điểm riêng biệt phù hợp với việc rèn KN đọc hiểu cho HS. Thứ nhất, VBTT đa phương thức có tính hấp dẫn - HS tương tác đa chiều, năng động, hứng thú học tập. Thứ hai là tính tổng thể - liên kết chặt chẽ giữa các kênh biểu đạt. Thứ ba là tính thực tiễn - nội dung văn bản gắn gũi với cuộc sống, mang tính thời sự và ngữ liệu cung cấp nguồn tài nguyên đa dạng cho GV, thúc đẩy HS yêu thích đọc sách hơn. Những đặc điểm đó giúp HS tiếp nhận VBTT bằng nhiều giác quan, tạo điều kiện để các em đọc hiểu hình thức, từ đó đọc hiểu nội dung ở mức liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với nhiều kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau. Từ đó, giúp phát triển tư duy và đa năng lực giao tiếp, tăng khả năng hợp tác, biết lắng nghe, chia sẻ, rèn KN khái quát hóa, tương thuật và phát triển vấn đề theo nhiều chiều hướng sáng tạo hơn.

Dựa vào các căn cứ pháp lí (mục tiêu CTGDPT 2018, yêu cầu cần đạt của KN đọc hiểu và lựa chọn ngữ liệu VBTT đối với HS lớp 4 trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018); Các căn cứ sư phạm (Nguyên tắc thiết kế ngữ liệu: đảm bảo mục tiêu hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu cho HS tiểu học, đảm bảo tính hệ thống, tính đa dạng, phong phú, đảm bảo tính thực tiễn; đặc điểm tâm, sinh lí và nhận thức của HS lớp 4 khi sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT), nghiên cứu này đã xây dựng hệ thống NLĐPT, tạo hứng thú học tập cho HS trong việc rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, đáp ứng mục tiêu CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

### 2.2. Thực trạng rèn kĩ năng đọc hiểu cho học sinh hiện nay và nhu cầu sử dụng ngữ liệu đa phương thức để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin

Để xác định được thực trạng rèn KN đọc hiểu cho HS lớp 4 hiện nay và nhu cầu sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS, từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các CBQL, GV, phụ huynh và HS lớp 4 ở 20 trường tiểu học công lập và ngoài công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề: (1) Đối với GV: nhận thức, thái độ của GV, cách thức GV sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS; những phần mềm và nền tảng dùng để thiết kế NLĐPT; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn khi sử dụng NLĐPT; (2) Đối với HS: mức độ hứng thú với việc sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT; khảo sát kết quả bài kiểm tra đọc hiểu môn TV năm học 2021-2022; (3) Nhận thức của phụ huynh về rèn KN đọc hiểu cho HS; mong muốn sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS. Việc khảo sát được tiến hành bằng các phương pháp: (1) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát một số đối tượng liên quan (CBQL, GV, HS, phụ huynh) về thực trạng rèn KN đọc hiểu và nhu cầu sử dụng NLĐPT ở trường tiểu học

hiện nay để thấy được nhận thức, thái độ, những thuận lợi, khó khăn cũng như những biện pháp khắc phục của GV, HS và phụ huynh lớp 4 khi sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT; (2) Phương pháp phỏng vấn để thu thập, bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những thông tin đã thu được từ khảo sát thực tiễn; (3) Phương pháp thống kê toán học để xử lý tất cả các kết quả định lượng thu được nhằm làm cơ sở để biện luận kết quả nghiên cứu. Kết quả khảo sát cho thấy:

(1) *Đối với GV*: hầu hết các GV (90%) đều nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của việc rèn KN đọc hiểu cho HS lớp 4, đa số GV đều sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực cùng phương pháp, công cụ đánh giá để rèn cho HS phát triển KN đọc hiểu. Có 100% GV nhận thức đúng về khái niệm NLĐPT, nhưng chỉ có 21% GV thường xuyên sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu cho HS thông qua việc tự thiết kế các phiếu đọc hiểu cuối tuần. Khó khăn của GV khi sử dụng NLĐPT được nhiều GV lựa chọn nhất là “trường học không có cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ sử dụng NLĐPT” (38.3%) chủ yếu ở các trường công lập, các khó khăn về KN sử dụng công nghệ thông tin của GV, chi phí, đặc điểm của NLĐPT gây phân tán sự chú ý của HS và một số khó khăn khác được 61.7% GV lựa chọn, trong đó đa số GV gặp khó khăn về KN sử dụng công nghệ thông tin là GV lớn tuổi, còn 100% GV trẻ đều sử dụng tốt. Để giải quyết các khó khăn, các biện pháp nhận được nhiều đề xuất là “Nhà trường cần thực hiện xã hội hóa giáo dục”; “Vận động mạnh thường quân, phụ huynh HS cải thiện cơ sở vật chất”; “Tăng cường mở các lớp tập huấn KN công nghệ thông tin cho GV”; “NLĐPT cần được xây dựng số lượng hình ảnh phù hợp với nội dung”; “Tập huấn cho GV biết được tầm quan trọng của NLĐPT đối với việc rèn KN đọc hiểu cho HS”. Khảo sát về hiệu quả trong việc sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, đa số các GV có tỉ lệ đồng ý cao với từng hiệu quả (92%), tỉ lệ chọn không đồng ý là 0%. 100% GV sẽ cho HS sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS nếu nguồn ngữ liệu có chất lượng. Kết quả cho thấy GV đánh giá khả quan về những hiệu quả có thể đạt được khi sử dụng NLĐPT.

(2) *Đối với HS*: có 100% HS yêu thích việc sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT. HS hào hứng với các thành phần đa phương thức của ngữ liệu như hình ảnh, phim, cho phép HS tương tác với màn hình, âm thanh. Về nội dung, hầu hết HS đều yêu thích các nội dung của thể loại VBTT dành cho HS lớp 4 theo CTGDPT môn Ngữ văn 2018, trong đó có tới 58% HS thích văn bản chỉ dẫn và văn bản giới thiệu quy trình vì văn bản vừa rèn KN đọc hiểu, vừa giúp HS có thể làm các sản phẩm thực tế.

(3) *Đối với phụ huynh*: đa số phụ huynh rất quan tâm đến việc rèn KN đọc hiểu cho HS, có 100% phụ huynh đồng ý với việc sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong thực tế, GV, HS và phụ huynh đều có thái độ tích cực trong việc sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT. Họ nhận thức được tính hiệu quả của NLĐPT đối với quá trình dạy học và mong muốn có nguồn ngữ liệu chất lượng.

### **2.3. Kết quả xây dựng ngữ liệu đa phương thức để rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4**

#### **2.3.1. Nguyên tắc xây dựng ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4**

*Nguyên tắc 1: Đảm bảo mục tiêu hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu cho HS tiểu học.* Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (1) NLĐPT phải giúp HS đọc hiểu được nội dung văn bản, hình thức văn bản, biết liên hệ, so sánh, kết nối văn bản (liên văn bản) theo yêu cầu cần đạt của từng lớp; biết tìm nguồn sách, báo, ... cách đọc trên Internet để rèn KN đọc hiểu VBTT với nhiều phương thức, thể loại, phong cách, độ dài văn bản khác nhau; (2) NLĐPT là chất liệu chứa đựng các kiến thức TV để đảm bảo yêu cầu cần đạt về kiến thức cho HS, nhằm phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của HS, đặc biệt là đa năng lực giao tiếp; (3) NLĐPT về VBTT đáp ứng yêu cầu về ngữ liệu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

*Nguyên tắc 2: Đảm bảo tính hệ thống, tính đa dạng và phong phú.* Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (1) Đảm bảo tính đồng tâm và phát triển các KN đọc hiểu (đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối; đọc mở rộng); (2) Đảm bảo tính phong phú, đa dạng về các nội dung của VBTT; (3) Đảm bảo phong phú và đa dạng về kiến thức TV, về thể loại, về phong cách và về phương thức thể hiện của VBTT. Thể loại VBTT dành cho HS lớp 4 theo CTGDPT môn Ngữ văn 2018 gồm văn bản chỉ dẫn đơn giản, văn bản giới thiệu một quy trình, thư, đơn, giấy mời và báo cáo công việc.

*Nguyên tắc 3: Đảm bảo tính thực tiễn.* Các yêu cầu của nguyên tắc này là: (1) Xác định cụ thể mục tiêu rèn KN đọc hiểu VBTT của môn TV ở lớp 4 theo CTGDPT 2018 theo từng tuần, từng bài, từng hoạt động giáo dục, từ đó làm cơ sở để xây dựng hệ thống NLĐPT tương ứng, phù hợp; (2) Ngữ liệu cần xây dựng theo hướng khắc phục khó khăn và tiếp tục phát huy thuận lợi của việc sử dụng NLĐPT đối với từng GV và từng HS, chú trọng tích hợp giúp

HS rèn được nhiều KN, chú ý đến tính vừa sức của HS; (3) Cần quan tâm đến hình thức thể hiện đa phương thức của ngữ liệu. Những kênh biểu đạt vừa làm nổi bật, thể hiện rõ nội dung của VBTT, vừa là điểm thu hút và khơi gợi tính tò mò của HS tiểu học, từ đó cho thấy, hình thức thể hiện của ngữ liệu tốt, hài hòa với nội dung sẽ góp phần giúp HS rèn KN đọc hiểu hiệu quả hơn.

Cả 3 nguyên tắc thiết kế NLĐPT trên đều có mối liên hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau, giúp việc xây dựng các NLĐPT được đồng nhất và mạch lạc.

### 2.3.2. Quy trình thiết kế ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4

Bên cạnh các nguyên tắc thiết kế NLĐPT, đề tài cũng đề xuất quy trình thiết kế để các bước xây dựng được chặt chẽ nhằm tạo ra hệ thống ngữ liệu chất lượng và mang tính khả thi cao: (1) Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục về KN đọc hiểu VBTT dành cho HS lớp 4 theo CTGDPT môn Ngữ văn 2018; (2) Nghiên cứu đặc điểm tâm lí và ngôn ngữ của HS lớp 4 khi đọc hiểu ngữ liệu VBTT đa phương thức; (3) Xác định nội dung phù hợp cần xây dựng và đề xuất thời gian mà nội dung đó được giảng dạy trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018; (4) Xây dựng nội dung, tìm kiếm tư liệu, thiết kế NLĐPT với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin,... và đề xuất quy trình sử dụng ngữ liệu; (5) Thiết kế kế hoạch bài dạy và tiến hành khảo nghiệm; (6) Tổ chức dạy học bằng ngữ liệu đã xây dựng.

### 2.3.3. Hệ thống ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4

CTGDPT môn Ngữ văn 2018 yêu cầu một số loại ngữ liệu VBTT dành HS lớp 4: văn bản chỉ dẫn (đơn giản) các bước thực hiện một công việc hoặc sử dụng một sản phẩm; văn bản giới thiệu một quy trình; thư cảm ơn hoặc xin lỗi, thư thăm hỏi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời; báo cáo công việc.

Nghiên cứu này đã xây dựng được 8 NLĐPT với các loại trên theo quy trình xây dựng đã đề xuất.

Để làm rõ quy trình xây dựng, bài báo này xin dẫn một ví dụ minh họa.

**Tuần 27**  
**Bài 1**  
**HÀNH TINH XANH**  
**Làm túi giấy không khó**

**Khởi động**  
Cùng xem đoạn phim theo mã QR sau và chia sẻ với bạn về một số tác hại của rác thải nhựa:  
Ảnh hưởng đến con người      Ảnh hưởng đến động vật      ?

**Khám phá và luyện tập**  
1. Đọc và trả lời câu hỏi:  
**Làm túi giấy không khó**  
Ngày 22 tháng 4 năm 2024, nhằm hưởng ứng Ngày Trái Đất, Trường Tiểu học Nhịp sống xanh tổ chức ngày hội "Mái không vứt túi nhựa" thu hút 500 học sinh tham gia. Các em gấp túi giấy và trang trí sáng tạo để bán gây quỹ Khuyến học.

**Các bước làm túi giấy**

- Gấp hai chiều rộng của tờ giấy vào giữa cho hai mép chạm nhau. Dùng băng keo cố định.
- Gấp từ dưới lên một đoạn dài 2cm làm đáy túi. Mở hai bên mép đáy ra thành hai hình tam giác. Dùng tay vuốt thẳng và vuông góc.
- Ở phần đáy, gấp hai mép túi cho chạm nhau tạo thành một đường khì. Dùng băng keo cố định.
- Ở phần thân, tạo đường gấp ở hai mép sao cho phần một và mép túi vừa đúng chạm vào góc của tam giác dưới đáy. Tạo lỗ, cột dây, trang trí túi.

**2. Chia sẻ với bạn về một quy trình hướng dẫn đơn giản các bước làm một sản phẩm mà em đã làm hoặc được biết đến.**

**3. Nói với bạn 3 - 4 câu thể hiện cảm xúc của em khi làm được các sản phẩm theo những quy trình hướng dẫn đó.**

**4. Thử thách: "Đọc và chia sẻ"**  
Ở nhà, em hãy tìm đọc thêm một số quy trình hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hay sử dụng một sản phẩm nào đó có ích và chia sẻ với bạn trên ứng dụng Padlet theo mã QR sau:

**Ngày hội quyên góp được 11.050.000 đồng và giúp mọi người có cái nhìn tích cực hơn về việc sử dụng túi giấy để bảo vệ hành tinh xanh.**  
**Báo An**

- Trường Tiểu học Nhịp sống xanh tổ chức hoạt động gì trong tháng 4? Hoạt động đó có ý nghĩa gì?
- Theo em, bước nào quan trọng nhất trong các bước làm túi giấy? Vì sao?
- Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì về việc bảo vệ môi trường?
- Tìm từ ngữ phù hợp để nhận xét sơ đồ hướng dẫn các bước làm túi giấy vẽ:

Thông tin      Cách trình bày

Hình 1. Minh họa về một NLĐPT về VBTT chỉ dẫn (nguồn: tác giả)

Ngữ liệu trên là một NLĐPT bởi các đặc điểm sau: *Thứ nhất*, ngữ liệu có sự phối hợp ngôn ngữ (chữ viết) và các phương thức khác như hình ảnh; đoạn phim, ứng dụng trực tuyến Padlet được liên kết từ mã code QR; kí hiệu (dấu chấm hỏi, mũi tên); sơ đồ chỉ dẫn các bước làm túi giấy. Ngoài ra, để tổ chức dạy học ngữ liệu này, GV và HS có thể sử dụng nhiều phương tiện để dạy và học như GV dùng máy chiếu, loa; HS có thể tương tác với GV, với bạn thông qua các hoạt động học tập trên lớp và tự học ở nhà có sử dụng thiết bị điện tử thông minh. *Thứ hai*, ngữ liệu này nhằm đạt được mục tiêu hình thành "đa năng lực giao tiếp" cho HS lớp 4, giúp HS rèn KN đọc hiểu là chủ yếu. Đồng thời, NLĐPT còn hỗ trợ rèn thêm KN quan sát, lắng nghe. HS không chỉ dùng thị giác để đọc mà còn "nhìn",

“xem” để thu được các thông tin: tên văn bản, dự đoán nội dung của tác phẩm thông qua tên chủ đề, tên văn bản, tranh vẽ, sơ đồ hay là đoạn phim gợi dẫn ở hoạt động Khởi động,... Bên cạnh đó, HS còn dùng thính giác để lắng nghe âm thanh của đoạn phim. Song, HS còn được tạo điều kiện rèn KN giải quyết vấn đề (nêu được tác hại của rác thải nhựa, dựa vào sơ đồ làm được sản phẩm theo hướng dẫn); KN làm việc nhóm; KN giao tiếp; tư duy phân biệt; tư duy độc lập; KN sử dụng thiết bị công nghệ (đọc mở rộng). *Thứ ba*, ngữ liệu này tạo hứng thú cho việc đọc hiểu VBTT của HS, tạo điều kiện cho HS nâng cao tinh thần tự học, tự khám phá, góp phần phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất HS đúng theo mục tiêu của CTGDPT 2018. Bên cạnh đó, NLĐPT còn kết hợp với các ứng dụng trực tuyến, rất phù hợp với bối cảnh đất nước hiện tại, chú trọng việc kết hợp học trực tiếp và trực tuyến. Ngoài ra, NLĐPT còn định hướng giúp GV chọn lựa phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong hoạt động giao tiếp đa phương thức. *Thứ tư*, ngữ liệu còn tích hợp giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường, hướng dẫn các em đọc hiểu VBTT chỉ dẫn và tự thực hiện gấp túi giấy để sử dụng thay cho túi nhựa khó phân hủy. Không chỉ bản thân HS, mà khi đã biết cách làm túi giấy và thấm nhuần ý nghĩa của việc làm trên thì các em còn có thể lan tỏa đến nhiều đối tượng khác xung quanh. Bên cạnh đó, để HS tạo ra các túi giấy đạt yêu cầu và xinh xắn, sáng tạo thì ngữ liệu cũng tích hợp môn Công nghệ và Mỹ thuật.

Ngữ liệu “Làm túi giấy không khó” thuộc thể loại văn bản chỉ dẫn đơn giản được thiết kế như sau:

- *Bước 1*: Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục: Trong yêu cầu cần đạt ở lớp 4 của CTGDPT môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018b), phần ngữ liệu có yêu cầu loại VBTT chỉ dẫn (đơn giản) các bước thực hiện một công việc hoặc sử dụng một sản phẩm. Tham khảo sách giáo khoa các lớp 1, 2, 3 đã được biên soạn theo CTGDPT 2018, chúng tôi xác định chủ đề “Hành tinh xanh” là chủ đề cần xây dựng cho loại ngữ liệu này. Từ đó, chúng tôi đưa ra ý tưởng thiết kế văn bản “Làm túi giấy không khó”. Đây là VBTT chỉ dẫn bốn bước đơn giản để làm một túi giấy có thể sử dụng được trong thực tế - nội dung giáo dục xoay quanh việc bảo vệ môi trường. Tiếp đến, chúng tôi xác định yêu cầu cần đạt về KN đọc hiểu VBTT của lớp 4 theo CTGDPT môn Ngữ văn 2018 về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên kết, so sánh, kết nối và đọc mở rộng, yêu cầu về độ dài văn bản (khoảng 180 chữ).

- *Bước 2*: Nghiên cứu đặc điểm tâm lý và ngôn ngữ của HS lớp 4: Ở lớp 4, tư duy của HS đã chuyển dần từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng, nên trong VBTT được thiết kế với kênh chữ nhiều hơn kênh hình. Tuy nhiên, để khai thác được vốn từ cũng như kinh nghiệm sống của HS, khi thiết kế ngữ liệu, chúng tôi có đưa vào hoạt động Khởi động một mã code QR dẫn đến một đoạn phim ngắn nói về tác hại của rác thải nhựa nhằm khơi gợi, dẫn dắt HS khám phá vào văn bản cần đọc. Đây là phương thức biểu đạt về cả âm thanh và hình ảnh có thể giúp GV, HS độc lập tìm kiếm qua mã code.

- *Bước 3*: Xác định nội dung phù hợp và đề xuất thời gian mà ngữ liệu đó được giảng dạy trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018: “Làm túi giấy không khó” là một ngữ liệu nhân văn, giáo dục HS bảo vệ môi trường - một trong những vấn đề toàn cầu hiện nay. Nếu HS hiểu được cách làm, vận dụng để làm được túi giấy thì các em sẽ có những hành động thiết thực để bảo vệ môi trường (làm ra túi giấy cho mình và người thân, sử dụng túi giấy và các đồ dùng thân thiện với môi trường thay cho túi nhựa, đồ dùng được làm từ nhựa khó phân hủy). Căn cứ vào sách giáo khoa lớp 3 đã được phê duyệt và sử dụng hiện nay, xác định tính đồng tâm và phát triển trong ma trận các chủ đề, chúng tôi đề xuất ngữ liệu này thực hiện vào tuần 27 (tuần thứ ba của tháng 4/2024), cũng là thời gian gần với Ngày Trái Đất (22/4/2024).

- *Bước 4*: Tiến hành xây dựng nội dung, tìm kiếm tư liệu, thiết kế NLĐPT bằng phần mềm,... và đề xuất tài liệu hướng dẫn sử dụng ngữ liệu: Từ ý tưởng ban đầu, chúng tôi tiến hành tìm kiếm các tư liệu liên quan đến ngày Trái Đất, các vấn đề về môi trường. Tiếp đó, chúng tôi xây dựng VBTT chỉ dẫn các bước làm một túi giấy đơn giản để sử dụng thay cho túi nhựa khó phân hủy với độ dài khoảng 180 chữ và thiết kế bộ câu hỏi đọc hiểu theo yêu cầu cần đạt về KN đọc hiểu VBTT của HS lớp 4 mà CTGDPT 2018 quy định. Sau khi có VBTT và hệ thống câu hỏi, chúng tôi lựa chọn các phần mềm để xây dựng NLĐPT. Ngữ liệu này được chúng tôi thiết kế trên phần mềm Microsoft PowerPoint, tham khảo các hình ảnh trên Canva, Freepik, Pinterest,... các đoạn phim trên Youtube, ứng dụng trực tuyến Padlet và trang web tạo mã code QR. Đây là các nền tảng công nghệ thông tin thông dụng, được nhiều GV tin dùng, đơn giản, dễ sử dụng nhưng mang lại hiệu quả cao.

- *Bước 5*: Thiết kế kế hoạch bài dạy và tiến hành khảo nghiệm

+ *Hoạt động 1*: Khởi động. GV truy cập theo mã QR vào Youtube cho HS xem đoạn phim ngắn nói về rác thải nhựa. Sau đó, tổ chức cho HS chia sẻ với bạn về một số tác hại của rác thải nhựa: ảnh hưởng đến con người, động vật và nêu thêm một số ý khác mà cá nhân HS nhận thấy qua đoạn phim.

+ Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập. GV tổ chức cho HS đọc cá nhân, đọc theo nhóm toàn văn bản. Sau đó, HS tiến hành đọc hiểu văn bản theo bộ câu hỏi trong ngữ liệu hoặc GV có thể bổ sung thêm hệ thống câu hỏi để hỗ trợ việc đọc hiểu của các em HS yếu hay phát huy năng lực đọc hiểu của các em HS khá giỏi.

\*\* Đọc hiểu nội dung: Qua việc đọc hiểu văn bản, HS nhận biết được thông tin chính của văn bản là chỉ dẫn các bước thực hiện túi giấy. Từ đó, văn bản truyền tải thông điệp giáo dục HS bảo vệ môi trường.

\* Câu hỏi 1: Trường Tiểu học Nhịp sống xanh tổ chức hoạt động gì trong tháng 4? Hoạt động đó có ý nghĩa gì? là câu hỏi ở mức độ nhận biết theo thang đo Bloom. HS nhận biết được ý nghĩa của ngày hội “Nói không với túi nhựa” là vừa góp phần bảo vệ môi trường hưởng ứng Ngày Trái Đất, vừa tạo sản phẩm bán gây quỹ Khuyến học để giúp các bạn HS khó khăn.

\* Câu hỏi 2: Theo em, bước nào quan trọng nhất trong các bước làm túi giấy? Vì sao? là câu hỏi ở mức độ hiểu. Sau khi đọc hiểu 4 bước cơ bản để gấp túi giấy, HS sẽ hiểu và giải thích được các bước đều quan trọng và liên kết chặt chẽ với nhau, bước đầu làm nền tảng cho việc thực hiện bước sau. Nếu thiếu một bước thì sẽ không hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

\* Câu hỏi 3: Câu chuyện gọi cho em suy nghĩ gì về việc bảo vệ môi trường? là câu hỏi ở mức vận dụng thấp. Qua việc đọc hiểu toàn VBTT ĐPT này, HS tự nhận thức ra được tầm quan trọng của việc sử dụng túi giấy thay cho túi nhựa để góp phần bảo vệ môi trường, hòa chung không khí của toàn thế giới cùng hưởng ứng Ngày Trái Đất - một tiếng chuông báo động đánh thức con người phải bảo vệ môi trường mọi lúc mọi nơi.

\* Câu hỏi 4: Tìm từ ngữ phù hợp để nhận xét sơ đồ hướng dẫn các bước làm túi giấy về thông tin và cách trình bày, là yêu cầu ở mức vận dụng cao, HS phải phân tích thông tin và cách trình bày của toàn VBTT chỉ dẫn làm túi giấy, từ đó tổng hợp, khái quát lại nhằm đưa ra những từ ngữ phù hợp nhất để nhận xét về văn bản chỉ dẫn ấy.

\*\* Đọc hiểu hình thức: NLĐPT này giúp HS nhận biết được đặc điểm của thể loại VBTT (cụ thể là văn bản chỉ dẫn) trong mối quan hệ với mục đích ý nghĩa của văn bản. Dựa vào hình thức trình bày và các thông tin thể hiện trên VBTT chỉ dẫn làm túi giấy sẽ giúp HS đưa ra những nhận xét, quan điểm cá nhân về văn bản. Chẳng hạn như: thông tin rõ ràng, mạch lạc, súc tích, dễ hiểu; cách trình bày rõ ràng, nổi bật lên nội dung chính là các bước làm túi giấy, màu sắc hài hòa, có hình ảnh minh họa phù hợp. Từ đó, các em nhận thấy được mối quan hệ giữa hình thức và ý nghĩa văn bản, sơ đồ với các mũi tên xoay tròn tạo thành vòng khép kín cho thấy các bước làm có liên hệ mật thiết với nhau, được thực hiện theo trình tự và bước đầu sẽ làm nền tảng để thực hiện bước sau. Đồng thời, HS cũng nhận biết được bố cục của một VBTT gồm phần đầu (giới thiệu hoàn cảnh: hưởng ứng Ngày Trái Đất); phần chính (sơ đồ hướng dẫn các bước làm túi giấy) và phần cuối (kết quả, ý nghĩa của ngày hội).

\*\* Liên hệ, so sánh, kết nối: Sau khi đọc hiểu văn bản, HS chia sẻ với bạn về một quy trình hướng dẫn đơn giản các bước làm một sản phẩm mà các em đã làm hoặc được biết đến. Bên cạnh đó, HS sẽ nói với nhau 3 - 4 câu thể hiện cảm xúc của mình khi làm được các sản phẩm từ những quy trình hướng dẫn như trên. Từ đó, HS nêu được vấn đề có ý nghĩa với bản thân và cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc. Đồng thời, HS cũng nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.

\*\* Đọc mở rộng: Thông qua thử thách “Đọc và chia sẻ”, HS tự tìm đọc các văn bản chỉ dẫn tương đương như văn bản đã học. Sau đó, các em chia sẻ với GV và các bạn khác qua ứng dụng Padlet để từ đó các em chia sẻ một, nhưng nhận lại rất nhiều chia sẻ hay từ các bạn khác. Trên Padlet, HS có thể đọc, nhận xét và đánh giá lời chia sẻ của bạn bằng sao (1 đến 5 sao) một cách công khai rất phù hợp với tiêu chí đánh giá theo hướng phát triển năng lực của CTGDPT 2018. Bên cạnh đó, việc chia sẻ trên ứng dụng Padlet giúp HS có thể chia sẻ dưới rất nhiều phương thức biểu đạt như hình ảnh, đoạn văn bản, đoạn phim, âm thanh, biểu tượng, sơ đồ, bảng biểu hay một đường dẫn liên kết liên quan để các bạn cùng tìm hiểu. Song, mọi hoạt động của HS trên Padlet đều được quản lý dưới sự kiểm soát của GV nên luôn mang hướng chia sẻ tích cực. Không những vậy, khi chia sẻ trên Padlet vừa tiết kiệm được chi phí in ấn, thời gian viết tay để HS mang sản phẩm lên lớp chia sẻ với bạn; vừa giúp GV tiết kiệm được thời gian để HS trình bày trên lớp sau khi đọc mở rộng tại nhà, GV chỉ xem trên Padlet và ghi chú lại các điểm đáng khen hay cần lưu ý với các em khi trao đổi ở lớp.

⇒ Sau khi đã thiết kế ngữ liệu và xây dựng hoạt động dạy học thì chúng tôi tiến hành khảo nghiệm, tham khảo, phỏng vấn ý kiến của các chuyên gia, CBQL, GV dạy khối 4 để kiểm tra mức độ cần thiết và tính khả thi của các ngữ liệu.

- *Bước 6*: Tổ chức dạy học bằng ngữ liệu đã xây dựng: Cuối cùng, chúng tôi điều chỉnh ngữ liệu theo kết quả khảo nghiệm và đưa ngữ liệu vào thực tiễn dạy học.

#### 2.3.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng ngữ liệu đa phương thức để rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4

Để việc sử dụng NLĐPT có hiệu quả, ngoài việc cần đảm bảo các điều kiện dạy học, chúng tôi đề xuất quy trình sử dụng NLĐPT và thiết kế Tài liệu hướng dẫn sử dụng dành cho GV. Về quy trình sử dụng, chúng tôi đề xuất các bước sau: (1) Xác định mục tiêu, nội dung giáo dục cần giảng dạy; (2) Lựa chọn NLĐPT phù hợp với các điều kiện dạy học; (3) Tham khảo các tài liệu về việc xây dựng hoạt động dạy học; (4) Tiến hành xây dựng kế hoạch bài dạy với NLĐPT đã chọn; (5) Tổ chức dạy học với NLĐPT đã chọn để đưa ngữ liệu vào thực tiễn dạy học; (6) Đánh giá kế hoạch bài dạy và điều chỉnh (nếu có).

Nhằm giúp GV và HS sử dụng hiệu quả các NLĐPT đã thiết kế, chúng tôi biên soạn Tài liệu hướng dẫn sử dụng. Tài liệu này được thiết kế thành hai phần chính: Phần I: Hướng dẫn chung cho các ngữ liệu; Phần II: Hướng dẫn cụ thể cho từng nhóm ngữ liệu. Mỗi phần đều đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng kèm theo hình ảnh minh họa phù hợp, giúp GV, HS sử dụng thuận lợi, dễ dàng, hiệu quả.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu “NLĐPT với việc rèn luyện KN đọc hiểu cho HS lớp 4” đã hệ thống cơ sở lí luận và thực tiễn để xây dựng hệ thống NLĐPT rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4 theo CTGDPT 2018. Nghiên cứu này cũng đã xây dựng được 8 NLĐPT, phù hợp với 8 loại VBTT theo yêu cầu cần đạt của chương trình cùng Tài liệu hướng dẫn sử dụng. Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp GV có định hướng xây dựng NLĐPT, làm chủ CTGDPT môn Ngữ văn 2018 ở góc độ ngữ liệu, đồng thời cung cấp nguồn ngữ liệu đã được xây dựng bài bản, khoa học, hỗ trợ việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, đón đầu việc thực hiện CTGDPT môn Ngữ văn 2018 trong năm học tới một cách chủ động. Từ kết quả nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn các cấp quản lí cần tiếp tục quan tâm và phát triển kho học liệu số, cụ thể là NLĐPT dành cho HS tiểu học, có thêm các hướng dẫn và chỉ đạo định hướng cho GV.

Một trong những quan điểm xây dựng CTGDPT 2018 là “tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của HS, đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và văn minh” (Bộ GD-ĐT, 2018a) nên mỗi GV cần chủ động nghiên cứu, áp dụng công nghệ thông tin vào dạy học để giúp HS có hứng thú và tự tin hơn khi đọc hiểu VBTT nói riêng, học tập nói chung. GV có thể tự xây dựng ngữ liệu theo quy trình thiết kế hoặc tham khảo các ngữ liệu đã được thiết kế và sử dụng cho HS lớp mình sao cho phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, GV cũng cần lưu ý đến mức độ sử dụng NLĐPT, tránh lạm dụng, gây áp lực cho HS. Với tính mở của CTGDPT 2018, hiện nay, GV có điều kiện và cơ hội để làm chủ việc xây dựng và sử dụng NLĐPT để rèn KN đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, thực hiện được các khuyến nghị mà bài báo đã đặt ra.

#### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (2005). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Xuân Yến (2018). Về khái niệm “Literacy” và việc dạy học đọc, viết cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Giáo dục*, 433, 1-4.
- Persons, J. B. (2008). *The case formulation approach to cognitive-behavior therapy*. New York, NY: Guilford Press.
- Serafini, F. (2012). Reading multimodal texts in the 21st century. *Mid-South Educational Research Association*, 19(1), 26-32.
- Trần Thị Ngọc (2016). Văn bản đa phương thức và tầm quan trọng của việc đọc hiểu văn bản đa phương thức. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 4, 67-68; 64.
- Trịnh Thị Lan (2017). Ngôn ngữ học văn bản và việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 407, 28-31; 36.